TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Xuân Chí và ông Lương Thái Nguyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký TAND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30/11/2022, tại trụ sở TAND huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Văn D, sinh năm 1985, có mặt
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Dạ L, sinh năm 1978, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Trương Văn D trình bày:*

Về hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2014. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau. Hai bên không còn sống chung từ đầu năm 2019, đến nay không còn tình cảm nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con chung Trương P, sinh ngày 17/01/2014. Hiện nay con do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn nguyên đơn đồng ý để bị đơn tiếp tục nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Dạ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; Bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của BLTTDS.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Trương Văn D và bị đơn Nguyễn Thị Dạ L tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký tại UBND xã H, huyện T ngày 30/6/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm hay cãi nhau, bị đơn không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc con cái; sự việc nêu trên có xác nhận của trưởng thôn M và UBND xã H. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trương P, sinh ngày 17/01/2014. Xét, cháu P lâu nay do chị L nuôi dưỡng, đã quen sống cùng chị L và có nguyện vọng tiếp tục ở với chị L nên cần giao cháu cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn D.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Trương Văn D được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Dạ L.

2. Về con chung: Giao con chung Trương P, sinh ngày 17/01/2014 cho bị đơn Nguyễn Thị Dạ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên đơn Trương Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2022 và chấm dứt

cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn Trương Văn D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005811 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên nên nguyên đơn còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Phong (GCNKH số 55, ngày 30/6/2014);
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền